

Số: /BC-UBND

*Đại Đồng, ngày tháng 12 năm 2022.*

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Đại Đồng năm 2022**

#### **I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI**

##### **1. Công tác chỉ đạo điều hành**

- Quyết định số 81-QĐ/ĐU, ngày 15/6/2022 Thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 xã Đại Đồng;
- Quyết định số 255/QĐ-UBND, ngày 14/7/2022 Thành lập Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 xã Đại Đồng;
- Xây dựng Kế hoạch số 33/KH-UBND, ngày 17/03/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng về Tuyên truyền xây dựng nông thôn mới năm 2022; Kế hoạch số 34/HK-UBND, ngày 17/03/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 trên địa bàn xã Đại Đồng.

##### **2. Công tác tuyên truyền**

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền xây dựng nông thôn mới năm 2022; Các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với thôn bản tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.
- Kết quả tuyên truyền phổ biến pháp luật, xây dựng nông thôn mới được 18 cuộc, với 1634 lượt người tham gia.

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**

##### **1. Kết quả thực hiện các tiêu chí NTM**

###### **1.1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch**

1.1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

1.1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

Đánh giá tiêu chí: Đạt.

###### **1.2. Tiêu chí số 2: Giao thông**

1.2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch -

đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.

- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm: đạt 100%.
- Tỷ lệ đường xã có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định: đạt 100%.
- Đường xã có hệ thống chiếu sáng trên tuyến: 4/4 tuyến.
- Đường xã có trồng cây xanh hoặc trồng hoa (*đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, cây đang sinh trưởng, phát triển tốt*): 3/4 tuyến.

Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.

1.2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp

- Được cứng hóa và bảo trì hàng năm: Hàng năm UBND xã ban hành kế hoạch lao động đầu xuân ra quân phát quang, nạo vét, bảo trì các tuyến đường GTNT trên địa bàn đạt 100%.

- Tỷ lệ đường thôn, bản và liên thôn, bản có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định: có 13/18 thôn, đạt 72%.

- Đường thôn, bản và liên thôn, bản có hệ thống chiếu sáng trên tuyến: có 17/18 thôn có điện chiếu sáng.

- Đường thôn, bản và liên thôn, bản có trồng cây xanh hoặc trồng hoa (*đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, cây đang sinh trưởng, phát triển tốt*): 7/18 thôn có đường hoa, cây xanh.

1.2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 30,350/33 km đã được cứng hóa, đạt tỷ lệ 91,97%. Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.

1.2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa. Có 12/14 thôn có trục chính nội đồng đã được cứng hóa, đạt 85,7%.

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

### **1.3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

1.3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ( $\geq 90\%$ ): 420/450,52 ha, đạt tỷ lệ 93,2%.

1.3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững: có Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi huyện Trảng Định quản lý hệ thống mương thủy lợi trên địa bàn, đánh giá nội dung tiêu chí đạt.

1.3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

1.3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

1.3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

1.3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

#### **1.4. Tiêu chí số 4: Điện**

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định ( $\geq 90\%$ ): 2063/2063 hộ, đạt tỉ lệ 100%.

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

#### **1.5. Tiêu chí số 5: Giáo dục**

1.5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

1.5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

1.5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Mức độ 3.

1.5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 2.

1.5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá.

1.5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

#### **1.6. Tiêu chí số 6: Văn hóa**

1.6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: Nhà văn hóa các thôn có sân thể thao bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng bàn, có câu lạc bộ văn nghệ, đánh giá nội dung tiêu chí đạt.

1.6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định: **Đạt.**

1.6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Tỷ lệ thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn văn hoá" 2 năm trở lên có 12/18 thôn, đạt tỉ lệ 70%. Đánh giá nội dung tiêu chí: Chưa đạt.

+ Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hoá là 1845/2061 hộ, đạt tỷ lệ 89,51%. Đánh giá nội dung tiêu chí: Chưa đạt.

**Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.**

### **1.7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: Xã Đại Đồng giáp Thị trấn Thất Khê đã có chợ Trung tâm Thất Khê nên xã không quy hoạch chợ.

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

### **1.8. Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông**

1.8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: Có 01 điểm bưu điện xã.

1.8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh. Đạt.

1.8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông: Đạt.

1.8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới: Đạt.

1.8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...): Đạt.

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

### **1.9. Tiêu chí số 09: Nhà ở dân cư**

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố: Tổng số nhà đạt chuẩn trên địa bàn xã: 1994/2063, đạt tỉ lệ 96,7%.

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

### **1.10. Tiêu chí 10: Thu nhập**

Thu nhập bình quân đầu người (Năm 2022  $\geq 47$  triệu đồng/người): Năm 2022 thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã là 39 triệu đồng/ người.

**Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.**

### **1.11. Tiêu chí 11: Nghèo đa chiều**

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025: Năm 2022 qua rà soát tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã Đại Đồng là 80/2062, đạt tỉ lệ 3,88%.

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

### **1.12. Tiêu chí số 12: Lao Động**

1.12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 75\%$ : 5467/5527 người đạt 98,9%.

1.12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 25\%$ : 50,78%.

1.12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn: Đạt

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

### **1.13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

1.13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định:

- Trên địa bàn xã có 05 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả, tham gia vào chuỗi liên kết cung ứng các loại giống cây trồng nông nghiệp, hướng dẫn quy trình sản xuất và liên kết bao tiêu sản phẩm. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

- Trên địa bàn xã có triển khai các mô hình phát triển sản xuất như: Trồng giống lúa chất lượng cao J02; J03; Bao thai hồng; Nếp cái ong vàng và Trồng khoai tây có liên kết với hợp tác xã và công ty giống cây trồng bao tiêu sản phẩm, có đóng gói bao bì, nhãn mác đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn: Có sản phẩm Bánh khảo Tất Liên được xếp hạng đạt chuẩn OCOP năm 2021. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm: Có Mô hình nhà lưới trồng rau sạch ứng dụng công nghệ tưới nước tự động, tiết kiệm. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: UBND xã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng trên 18/18 thôn, đạt tỉ lệ 100%. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: Chưa có sản phẩm được bán qua kênh. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Chưa đạt.**

1.13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Hiện nay trên địa bàn xã có 07 mã vùng trồng cây Thạch đen. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Xã Đại Đồng có Lễ hội Lồng thồng Búng Kham được tổ chức hàng năm và được quảng bá, giới thiệu trên trang thông tin của xã. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Chưa có mô hình tích hợp đa giá trị. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Chưa đạt.**

**Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.**

### **1.14. Tiêu chí 14: Y tế**

1.14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 95\%$ : 7561/9110 người, đạt tỷ lệ 83%. Đánh giá nội dung tiêu chí: Chưa đạt.

1.14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 90\%$ : 8570/9110 người, đạt tỷ lệ 94%. Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.

1.14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 40\%$ :

1.14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử  $\geq 70\%$ :

**Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.**

### **1.15. Tiêu chí số 15: Hành chính công**

1.15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến đạt 12%: Đánh giá nội dung tiêu chí: Chưa Đạt.

1.15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên: Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.

1.15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp: Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.

**Đánh giá tiêu chí: Chưa Đạt.**

### **1.16. Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật**

1.16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận  $\geq 1$ : Có mô hình Câu lạc bộ Phụ nữ với pháp luật hoạt động hiệu quả.

1.16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành  $\geq 90\%$ : 9 tháng năm 2022 UBND xã tổ chức hòa giải thành 5/6 vụ, đạt tỉ lệ 83%.

1.16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu  $\geq 90\%$ : Đạt 100% không có phát sinh.

**Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.**

### **1.17. Tiêu chí số 17: Môi trường**

1.17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường:

1.17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường 100%:

1.17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định  $\geq 80\%$ : 18/18 thôn đề có thùng rác và lò đốt rác nhỏ.

1.17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả  $\geq 25\%$ : Đạt.

1.17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 50\%$ : Đạt.

1.17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%: Đạt.

1.17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường  $\geq 80\%$ : Đạt.

1.17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường  $\geq 75\%$ : 1469/1506 hộ, đạt 97,5%

1.17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Đạt.

1.17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng  $\geq 5\%$ : Chưa đạt.

1.17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ( $\geq 4m^2/người$ ): Đạt.

1.17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định  $\geq 50\%$ : Đạt.

**Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.**

### **1.18. Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường sống**

1.18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (Xã không thuộc khu vực III)  $\geq 35\%$ : 1315/2063 hộ, đạt 63,74%.

**Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm (Xã không thuộc khu vực III)  $\geq 60$  lít: **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững (Xã không thuộc khu vực III)  $\geq 25\%$ : **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm 100%: **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: Đạt 100%.

1.18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch  $\geq 80\%$ : 2078/2120 nhà đạt 98%. **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

1.18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường 100%: **Đánh giá nội dung tiêu chí: Đạt.**

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

### **1.19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh**

1.19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

1.19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

**Đánh giá tiêu chí: Đạt.**

## **2. Kết quả, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân.**

- Qua rà soát đánh giá các tiêu chí đến nay xã Đại Đồng đạt **12/19** tiêu chí theo bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Các thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý cấp xã chưa dành nhiều thời gian để thực hiện, kiểm tra đôn đốc trong chỉ đạo điều hành Chương trình xây dựng nông thôn mới; chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên đối với thôn, bản.

- Công tác tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã chưa được thực hiện đa dạng, hiệu quả.

- Một số hộ dân nhận thức chưa đúng, còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, chưa hình thành ý thức tự giác, chủ động tham gia thực hiện xây dựng nông thôn mới.

## **III. KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**

### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện**

Tiếp tục kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý khi có sự thay đổi về nhân sự. Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách các tiêu chí nông thôn mới. Thường xuyên bám sát cơ sở, tăng cường xuống các thôn để kiểm tra, rà soát, tổng hợp, kịp thời tháo gỡ khó khăn.

### **2. Công tác tuyên truyền, vận động**

Tuyên truyền tập trung vào các nội dung: Giao thông, nhà ở dân cư, phát triển sản xuất, văn hóa, môi trường, an ninh trật tự xã hội, giảm nghèo.

Các tổ chức chính trị xã hội xây dựng kế hoạch tuyên truyền và thực hiện thường xuyên, liên tục.

### **3. Giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

- Tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng **12/19** tiêu chí đã đạt chuẩn.



- Các tiêu chí chưa đạt chuẩn còn lại tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phần đầu năm 2022 đạt chuẩn 19/19 tiêu chí.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Đề nghị Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện chỉ đạo các phòng ban, cơ quan liên quan hướng dẫn, hỗ trợ và phối hợp thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Đề nghị duy trì nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất để nhân dân tiếp tục nhân rộng các dự án, mô hình phát triển sản xuất, tạo tiền đề phát triển kinh tế góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân lao động ở nông thôn.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng./.

#### **Nơi nhận:**

- BCĐ các CTMTQGXDNTM huyện;
- Văn phòng điều phối XDNTM huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- BCĐ, BQL XDNTM xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Ngọc Tiến**